



Viện Kỹ thuật Biển

Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp năm 2026

BẢN TIN CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Kỳ 4

Thời gian dự báo: 29/05/2026 → 04/06/2026

Ngày phát hành: 29/05/2026

PHẦN 1: TỔNG QUAN VÀ THÔNG TIN CHUNG

Bản tin chất lượng nước được xây dựng nhằm cung cấp thông tin về tình trạng chất lượng nước tại các điểm giám sát, phục vụ công tác quản lý và bảo vệ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

1.1. Thông tin chung

Tên nhiệm vụ	Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp năm 2026
Đơn vị thực hiện	Viện Kỹ thuật Biển
Số điểm dự báo	14 vị trí
Kỳ dự báo	Kỳ 4
Thời gian dự báo	29/05/2026 → 04/06/2026

1.2. Thông số dự báo

ST T	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Mức A	Mức B
1	Độ mặn	Độ mặn	‰	-	-
2	DO	DO	mg/L	6	5
3	BOD ₅	BOD ₅	mg/L	4	6
4	Tổng Nito	TN	mg/L	0,6	1,5

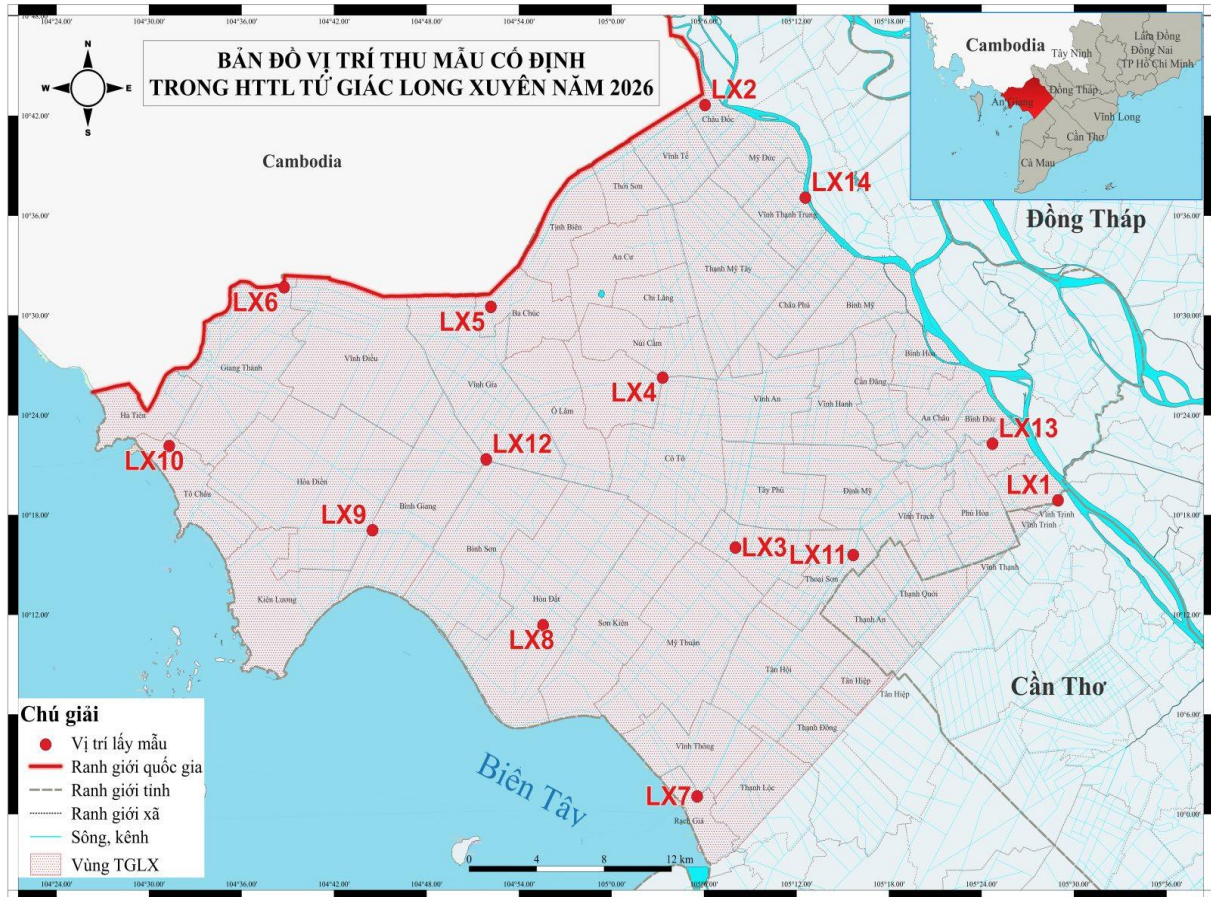
1.3. Quy chuẩn áp dụng

QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

Mức A	Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp
Mức B	Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

1.4. Vị trí dự báo

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được chọn để bảo đảm không chế điều chất lượng nước trong khu vực giám sát, kiểm soát được các tác động bên ngoài, đánh giá được các nguồn thải, phục vụ cho mô hình dự báo chất lượng nước. Nhiệm vụ quan trắc 14 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1: Bản đồ các vị trí giám sát cố định trong HTTL TGLX năm 2026

PHẦN 2: KẾT QUẢ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Dự báo chất lượng nước kỳ 4 cho thời gian từ ngày 29/05/2026 đến 04/06/2026. Giá trị dự báo được trình bày dưới dạng khoảng (min – max).

STT	Vị trí	DO	Độ mặn	BOD5	TN
		mg/L	‰	mg/L	mg/L
1	LX1	5,15 - 5,22	0,01 - 0,1	10,57 - 11,02	0,54 - 0,74
2	LX2	4,8 - 4,9	0 - 0,09	5 - 5,63	0,17 - 0,28
3	LX3	4,13 - 4,48	0 - 0,09	4,47 - 4,64	1,05 - 1,15
4	LX4	3,82 - 4,93	0,01 - 0,1	14,44 - 14,86	0,57 - 0,77
5	LX5	4,13 - 4,93	0,01 - 0,09	11,47 - 12,5	0,83 - 0,9
6	LX6	4,45 - 4,68	0,02 - 0,1	10,23 - 10,68	0,48 - 0,63
7	LX7	4,22 - 4,47	0 - 0,09	6,5 - 7,02	0,33 - 0,43
8	LX8	4,24 - 4,93	0,02 - 0,08	10,9 - 12,3	0,58 - 0,69
9	LX9	4,23 - 4,35	0,24 - 0,25	10,01 - 10,24	0,44 - 0,57
10	LX10	5,04 - 5,08	17,44 - 17,81	13,06 - 14,94	0,72 - 0,86
11	LX11	4,17 - 4,29	0 - 0,08	11,92 - 14,96	0,92 - 0,98
12	LX12	4,03 - 4,25	0,02 - 0,07	10,11 - 12,18	0,18 - 0,19
13	LX13	5,1 - 5,3	0,03 - 0,1	5,91 - 6,67	0,55 - 0,59
14	LX14	4,45 - 4,65	0,01 - 0,1	7,21 - 7,44	0,28 - 0,33

Chú thích: ■ Giá trị vượt giới hạn QCVN mức A ■ Giá trị vượt giới hạn QCVN mức B

4.1. Đánh giá các chỉ tiêu dự báo

4.1.1. Oxy hòa tan (DO)

Dự báo Oxy hòa tan (DO): dao động trong khoảng 3,82 – 5,3 mg/l; giá trị trung bình khoảng 4,43 – 4,75 mg/l. Có 11/14 vị trí (78,6%) có khả năng không đạt giới hạn mức B (LX2, LX3, LX4, LX5, LX6...) theo QCVN. Tại các vị trí này nếu người dân sử dụng nguồn nước để nuôi trồng thủy sản cần lưu ý theo dõi oxy hòa tan, đặc biệt vào thời điểm sáng sớm khi DO thường thấp nhất. Có thể cân nhắc sục khí hoặc giảm mật độ nuôi trồng nếu cần thiết.

4.1.2. Độ mặn

Dự báo Độ mặn: dao động trong khoảng 0 – 17,81‰. Kết quả dự báo cho thấy nguồn nước tại các vị trí trong khu vực canh tác lúa không bị nhiễm mặn, người dân có thể yên tâm sử dụng để tưới tiêu cho lúa và hoa màu. Đối với vị trí LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên) có độ mặn dự báo dao động từ 17,44 - 17,81‰, đây là độ mặn nằm

trong ngưỡng thích hợp để nuôi tôm nước lợ (7-25‰) nên bà con yên tâm để lấy nước vào các ruộng tôm.

4.1.3. BOD₅

Dự báo BOD₅: dao động trong khoảng 4,47 – 14,96 mg/l; giá trị trung bình khoảng 9,41 – 10,36 mg/l. Có 12/14 vị trí (85,7%) có khả năng vượt giới hạn QCVN mức B (LX1, LX4, LX5, LX6, LX7...). Kết quả dự báo cho thấy tại nhiều vị trí trong vùng TGLX vẫn tiếp tục có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ khá cao và cần có biện pháp xử lý như: kiểm soát nguồn thải hữu cơ đổ vào kênh, tăng cường xử lý nước thải sinh hoạt, nông nghiệp.

4.1.4. Tổng Nitơ (TN)

Dự báo Tổng Nitơ (TN): dao động trong khoảng 0,17 – 1,15 mg/l; giá trị trung bình khoảng 0,55 – 0,65 mg/l. Có 8/14 vị trí (57,1%) có khả năng vượt giới hạn mức A nhưng tất cả các vị trí đều đạt mức B theo QCVN. Nguồn nước dự báo phù hợp cho mục đích thủy lợi và tưới tiêu.

PHẦN 3: TỔNG HỢP VÀ KẾT LUẬN

1. Kết quả dự báo

Kết quả dự báo cho thấy chất lượng nước vùng TGLX từ ngày 29/05/2026 – 04/06/2026 vẫn tiếp tục có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ, thể hiện qua BOD₅ cao tại hầu hết các vị trí quan trắc, điển hình như các vị trí LX4 – LX9, LX11, LX12 và LX14. Cần tiếp tục theo dõi và có biện pháp xử lý như kiểm soát nguồn thải hữu cơ đổ vào kênh, tăng cường xử lý nước thải sinh hoạt, nông nghiệp.

- Độ mặn dự báo từ ngày 29/05/2026 – 04/06/2026 dao động trong khoảng 0 – 17,81‰. Kết quả dự báo cho thấy nguồn nước tại các vị trí trong khu vực canh tác lúa không bị nhiễm mặn, sử dụng tốt để tưới tiêu cho lúa và hoa màu. Đối với vị trí LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên) có độ mặn dự báo vẫn nằm trong ngưỡng thích hợp để nuôi tôm nước lợ.

- Dự báo tổng Nitơ (TN) dao động trong khoảng 0,17 – 1,15 mg/l. Có 8/14 vị trí (57,1%) có khả năng vượt giới hạn mức A nhưng tất cả các vị trí đều đạt mức B theo QCVN. Nguồn nước dự báo phù hợp cho mục đích thủy lợi và tưới tiêu.

2. Khuyến nghị

Tăng cường giám sát tại các vị trí có các thông số vượt ngưỡng. Điều tra nguồn gây ô nhiễm (đặc biệt là ô nhiễm hữu cơ) và có biện pháp xử lý kịp thời.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và Xây dựng Công trình thủy lợi (để b/c);
- Sở NN&MT, Chi cục thủy lợi các tỉnh An Giang, Tp. Cần Thơ, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi An Giang;
- Các phòng, ban liên quan thuộc Cục Quản lý và Xây dựng CTTL;
- Webgis Cục Quản lý và Xây dựng CTTL;
- Website Viện Kỹ thuật Biển;
- Lưu TT TNB&ĐB.



VIỆN TRƯỞNG
VIỆN
KỸ THUẬT
BIỂN
Phạm Văn Tùng

PHỤ LỤC 1: THÔNG TIN CÁC VỊ TRÍ GIÁM SÁT

TT	Vị trí	Ký hiệu	Kinh độ	Vĩ độ	Mục đích
1	Đầu kênh Cái Sắn phía sông Hậu	LX1	105°28'57.5 6"E	10°18'52.96 "N	Kiểm tra CLN đầu vào HTTL TGLX trên kênh Cái Sắn
2	Đầu kênh Vĩnh Tế phía sông Hậu	LX2	105°6'3.75" E	10°42'38.85 "N	Kiểm tra CLN đầu vào HTTL TGLX trên kênh Vĩnh Tế.
3	Giao của kênh Ba Thê và kênh Ba Thê mới	LX3	105° 8'2.18"E	10°16'2.76" N	Kiểm tra CLN giữa vùng dự án do canh tác nông nghiệp và các ảnh hưởng từ nguồn nước.
4	Giao của kênh Tri Tôn, Trà Sư và Mặc Cần Dung	LX4	105° 3'19.03"E	10°26'15.81 "N	Kiểm tra CLN giữa vùng dự án do canh tác nông nghiệp và các ảnh hưởng từ nguồn nước.
5	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh T5	LX5	104°52'10.4 5"E	10°30'31.07 "N	Kiểm tra CLN giữa vùng dự án do canh tác nông nghiệp và các ảnh hưởng từ nguồn nước.
6	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh Hà Giang	LX6	104°38'45.5 6"E	10°31'41.58 "N	Kiểm tra CLN giữa vùng dự án do canh tác nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, xâm nhập mặn và các ảnh hưởng từ nguồn nước.
7	Tp. Rạch Giá, cuối kênh Rạch Giá – Long Xuyên	LX7	105° 5'33.19"E	10° 1'4.03"N	Kiểm tra CLN do ô nhiễm từ Tp Rạch Giá, xâm nhập mặn từ biển Tây.
8	Giao giữa kênh Tri Tôn và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên.	LX8	104°55'33.6 7"E	10°11'22.55 "N	Kiểm tra CLN do tác động của vùng sản xuất nông nghiệp, ô nhiễm của thị trấn Tri Tôn, xâm nhập mặn từ biển Tây.
9	Giao giữa kênh T5 và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên.	LX9	104°44'29.8 0"E	10°17'5.24" N	Kiểm tra CLN do tác động của vùng sản xuất nông nghiệp, vùng nuôi trồng thủy sản, xâm nhập mặn từ biển Tây và vùng trũng phèn.
10	Giao giữa kênh Hà Giang và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên. (Cầu Hà Giang)	LX10	104°31'18.4 9"E	10°22'9.06" N	Kiểm tra CLN do tác động của vùng vùng nuôi trồng thủy sản, xâm nhập mặn từ

Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp năm 2026

					biển Tây và vùng trũng phèn.
11	Giao giữa kênh Ba Thê Mới và Kênh Rạch Giá Long Xuyên	LX11	105°15'40.5 5"E	10°15'35.66 "N	Kiểm tra CLN do ô nhiễm từ Tp Rạch Giá, và do xâm nhập mặn từ Rạch Giá đến Thoại Sơn.
12	Giao của kênh Tám Ngàn và kênh ranh An Giang-Kiên Giang trước đây (nay là An Giang)	LX12	104°51'52.2 6"E	10°21'20.56 "N	Kiểm tra CLN giữa vùng dự án do canh tác nông nghiệp và do tác động của phèn.
13	Đầu kênh Rạch Giá – Long Xuyên từ sông Hậu vào	LX13	105°24'42.5 9"E	10°22'17.38 "N	Kiểm tra CLN từ sông Hậu vào sau khi đi qua Tp. Long Xuyên
14	Đầu kênh Vĩnh Tre phía sông Hậu	LX14	105°12'34.2 1"E	10°37'5.00" N	Kiểm tra CLN đầu vào HTTL TGLX ở khu vực giữa vùng dự án.

PHỤ LỤC 2: KẾT QUẢ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC

1. Kết quả dự báo diễn biến độ mặn (%) từ ngày 29/5 – 04/6/2026

Độ mặn	29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	04/06
LX1	0,08	0,06	0,10	0,02	0,07	0,01	0,10
LX2	0,01	0,09	0,02	0,07	0,03	0,01	0,00
LX3	0,07	0,03	0,08	0,00	0,09	0,02	0,03
LX4	0,10	0,10	0,04	0,05	0,08	0,09	0,01
LX5	0,01	0,09	0,05	0,05	0,02	0,02	0,03
LX6	0,06	0,08	0,09	0,06	0,10	0,02	0,08
LX7	0,04	0,09	0,00	0,07	0,01	0,02	0,09
LX8	0,04	0,05	0,04	0,08	0,02	0,06	0,07
LX9	0,24	0,24	0,24	0,25	0,24	0,24	0,24
LX10	17,80	17,81	17,79	17,80	17,77	17,66	17,44
LX11	0,00	0,02	0,06	0,07	0,00	0,08	0,07
LX12	0,03	0,05	0,07	0,04	0,07	0,05	0,02
LX13	0,06	0,05	0,10	0,04	0,06	0,03	0,09
LX14	0,01	0,08	0,04	0,07	0,07	0,07	0,10

2. Kết quả dự báo diễn biến DO (mg/l) từ ngày 29/5 – 04/6/2026

DO	29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	04/06
LX1	5,22	5,21	5,20	5,16	5,15	5,17	5,18
LX2	4,81	4,80	4,81	4,83	4,86	4,89	4,90
LX3	4,48	4,30	4,18	4,14	4,13	4,13	4,17
LX4	3,82	3,93	4,14	4,47	4,79	4,93	4,86
LX5	4,13	4,33	4,48	4,51	4,58	4,74	4,93
LX6	4,45	4,54	4,55	4,54	4,55	4,63	4,68
LX7	4,22	4,47	4,45	4,36	4,31	4,29	4,27
LX8	4,47	4,79	4,93	4,86	4,65	4,43	4,24
LX9	4,23	4,32	4,35	4,32	4,28	4,27	4,26
LX10	5,08	5,04	5,04	5,04	5,05	5,07	5,07
LX11	4,17	4,18	4,21	4,24	4,27	4,29	4,25
LX12	4,03	4,09	4,15	4,19	4,19	4,19	4,25
LX13	5,15	5,23	5,30	5,28	5,21	5,10	5,11
LX14	4,50	4,47	4,45	4,47	4,53	4,59	4,65

3. Kết quả dự báo diễn biến BOD₅ (mg/l) từ ngày 29/5 – 04/6/2026

BOD₅	29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	04/06
LX1	11,02	10,92	10,66	10,57	10,66	10,84	10,98
LX2	5,02	5,00	5,09	5,24	5,41	5,55	5,63
LX3	4,47	4,47	4,53	4,57	4,61	4,62	4,64
LX4	14,44	14,74	14,86	14,86	14,75	14,63	14,57
LX5	11,47	11,53	11,73	12,06	12,41	12,50	12,06
LX6	10,68	10,57	10,60	10,58	10,46	10,33	10,23
LX7	7,02	6,96	6,90	6,75	6,55	6,50	6,62
LX8	10,90	11,53	12,00	12,26	12,30	12,17	11,93
LX9	10,01	10,09	10,11	10,09	10,09	10,14	10,24
LX10	14,12	14,64	14,94	14,52	13,81	13,30	13,06
LX11	14,96	13,73	12,22	11,92	12,64	14,31	14,68
LX12	10,11	10,37	10,67	11,03	11,44	11,83	12,18
LX13	6,67	6,29	5,91	6,10	6,20	6,39	6,43
LX14	7,44	7,34	7,37	7,37	7,27	7,22	7,21

4. Kết quả dự báo diễn biến TN (mg/l) từ ngày 29/5 – 04/6/2026

TN	29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	04/06
LX1	0,55	0,54	0,55	0,60	0,68	0,73	0,74
LX2	0,28	0,27	0,25	0,23	0,21	0,19	0,17
LX3	1,05	1,07	1,11	1,15	1,14	1,10	1,08
LX4	0,61	0,58	0,57	0,69	0,77	0,67	0,62
LX5	0,83	0,83	0,83	0,83	0,84	0,87	0,90
LX6	0,53	0,53	0,51	0,48	0,49	0,55	0,63
LX7	0,43	0,40	0,36	0,34	0,33	0,34	0,36
LX8	0,58	0,62	0,58	0,60	0,63	0,67	0,69
LX9	0,44	0,47	0,50	0,53	0,56	0,57	0,56
LX10	0,72	0,77	0,82	0,86	0,86	0,85	0,83
LX11	0,98	0,97	0,94	0,92	0,92	0,92	0,93
LX12	0,19	0,19	0,19	0,19	0,19	0,18	0,18
LX13	0,55	0,55	0,55	0,55	0,56	0,57	0,59
LX14	0,31	0,32	0,33	0,33	0,33	0,31	0,28